

UBND HUYỆN MUỒNG CHÀ
TRƯỜNG THCS THỊ TRẦN
MUỒNG CHÀ

Biểu mẫu 09

THÔNG BÁO

Cam kết chất lượng giáo dục của trường trung học cơ sở và trường trung học phổ thông, năm học 2025-2026

STT	Nội dung	Chia theo khối lớp			
		Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
I	Điều kiện tuyển sinh.	-HS học hết chương trình tiểu học. -Độ tuổi từ 11 đến 13 tuổi	-Có hạnh kiểm, lực học từ Đạt trở lên sau khi thi lại. -Độ tuổi từ 12 đến 14 tuổi	-Có hạnh kiểm, lực học từ Đạt trở lên sau khi thi lại. -Độ tuổi từ 13 đến 15 tuổi	-Có hạnh kiểm, lực học từ Đạt trở lên. -Độ tuổi từ 14 đến 16 tuổi
II	Chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục thực hiện.	Thực hiện đúng chương trình giáo dục của Bộ GD & ĐT	Thực hiện đúng chương trình giáo dục của Bộ GD & ĐT	Thực hiện đúng chương trình giáo dục của Bộ GD & ĐT	Thực hiện đúng chương trình giáo dục của Bộ GD & ĐT
III	Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình. Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh.	-Nhà trường, Gia đình, xã hội phải phối hợp chặt chẽ thường xuyên. -Nhà trường tổ chức cho HS học điều lệ trường THCS. -Gia đình thường xuyên nhắc nhở HS thực hiện đúng nhiệm vụ của người HS. - Yêu cầu HS thực hiện đúng điều lệ trường THCS.	-Nhà trường, Gia đình, xã hội phải phối hợp chặt chẽ thường xuyên. -Nhà trường tổ chức cho HS học điều lệ trường THCS. -Gia đình thường xuyên nhắc nhở HS thực hiện đúng nhiệm vụ của người HS. - Yêu cầu HS thực hiện đúng điều lệ trường THCS.	-Nhà trường, Gia đình, xã hội phải phối hợp chặt chẽ thường xuyên. -Nhà trường tổ chức cho HS học điều lệ trường THCS. -Gia đình thường xuyên nhắc nhở HS thực hiện đúng nhiệm vụ của người HS. - Yêu cầu HS thực hiện đúng điều lệ trường THCS.	-Nhà trường, Gia đình, xã hội phải phối hợp chặt chẽ thường xuyên. -Nhà trường tổ chức cho HS học điều lệ trường THCS. -Gia đình thường xuyên nhắc nhở HS thực hiện đúng nhiệm vụ của người HS. - Yêu cầu HS thực hiện đúng điều lệ trường THCS.
IV	Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh ở cơ sở giáo dục	-Tổ chức Hoạt động ngoài giờ lên lớp cho HS. -Tổ chức vui chơi các trò chơi dân gian chào mừng những ngày lễ lớn trong năm học.	-Tổ chức Hoạt động ngoài giờ lên lớp cho HS. -Tổ chức vui chơi các trò chơi dân gian chào mừng những ngày lễ lớn trong năm học.	-Tổ chức Hoạt động ngoài giờ lên lớp cho HS. -Tổ chức vui chơi các trò chơi dân gian chào mừng những ngày lễ lớn trong năm học.	-Tổ chức Hoạt động ngoài giờ lên lớp cho HS. -Tổ chức các vui chơi chào mừng những ngày lễ lớn trong năm học. -Tổ chức hoạt động giáo dục hướng nghiệp cho HS.

V	Kết quả năng lực, phẩm chất, học tập, sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được	-Phẩm chất đạt từ Đạt trở lên sau khi rèn luyện trong hè. -Học lực từ Đạt trở lên sau khi thi lại. -Có đủ sức khỏe để học tập. - Có năng lực để vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.	Phẩm chất đạt từ Đạt trở lên sau khi rèn luyện trong hè. -Học lực từ Đạt trở lên sau khi thi lại. -Có đủ sức khỏe để học tập. - Có năng lực để vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.	Phẩm chất đạt từ Đạt trở lên sau khi rèn luyện trong hè. -Học lực từ Đạt trở lên sau khi thi lại. -Có đủ sức khỏe để học tập. - Có năng lực để vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.	Phẩm chất từ Đạt. -Học lực từ TB trở lên.. -Có đủ sức khỏe để học tập. - Có năng lực để vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.
VI	Khả năng học tập tiếp tục của học sinh	-Phẩm chất đạt từ Đạt trở lên. -Học lực từ Đạt trở lên. -Có đủ sức khỏe để học tập tiếp lên lớp 7.	Phẩm chất đạt từ Đạt trở lên. -Học lực từ Đạt trở lên. -Có đủ sức khỏe để học tập tiếp lên lớp 8	Phẩm chất đạt từ Đạt trở lên. -Học lực từ Đạt trở lên. -Có đủ sức khỏe để học tập tiếp lên lớp 9.	Phẩm chất đạt từ TB trở lên -Học lực: TB trở lên. -Có đủ sức khỏe để học tập tiếp lên THPT và các trường trung cấp chuyên nghiệp.

Mường Chà, ngày 26 tháng 6 năm 2025

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên và đóng dấu)



Khoàng Tuấn Việt

UBND HUYỆN MUỜNG CHÀ
TRƯỜNG THCS THỊ TRẦN
MUỜNG CHÀ

Biểu mẫu 10

THÔNG BÁO

Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế của trường trung học cơ sở và trường trung học phổ thông, năm học 2024-2025

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
I	Số học sinh chia theo kết quả học tập	446	120	117	110	99
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	14.35%	15.00%	17.09%	10.91%	14.14%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	41.93%	47.50%	38.46%	40.91%	40.40%
3	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	42.15%	35.83%	42.74%	44.55%	45.45%
4	Chưa đạt (tỷ lệ so với tổng số)	1.55%	1.67%	1.71%	3.64%	0
II	Số học sinh chia theo kết quả rèn luyện	446	120	117	110	99
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	81.17%	86.67%	73.50%	83.64%	80.81%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	14.80%	10.83%	21.37%	12.73%	14.14%
3	Đạt - (tỷ lệ so với tổng số)	3.59%	1.67%	4.27%	3.64%	5.05%
4	Chưa đạt – (tỷ lệ so với tổng số)	0.45%	0.83%	0.85%	0	0
III	Tổng hợp kết quả cuối năm	446	120	117	110	99
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	445	119	117	110	99
a	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	14.35%	15.00%	17.09%	10.91%	14.14%
b	Học sinh khá tỷ lệ so với tổng số)	41.93%	47.50%	38.46%	40.91%	40.40%

		1.56	0	0	2.73	4,04
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	0.22	0.83	0	0	0
4	Chuyển trường đến/đi (tỷ lệ so với tổng số)	4/10	0	1/3	1/0	2/7
5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi					
1	Cấp huyện	185	45	55	48	37
2	Cấp tỉnh/thành phố	69	9	14	23	23
3	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế	1	0	0	1	0
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp					99
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp					99
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)					
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)					
3	Trung bình (Tỷ lệ so với tổng số)					
VII	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng (tỷ lệ so với tổng số)					
VIII	Số học sinh nam/số học sinh nữ	225/221	68/52	51/66	57/53	49/50
IX	Số học sinh dân tộc thiểu số	252	62	63	63	64

Mường Chà, ngày 26 tháng 6 năm 2025

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên và đóng dấu)



Khoàng Tuấn Việt

UBND HUYỆN MUỜNG CHÀ
TRƯỜNG THCS THỊ TRẦN MUỜNG CHÀ

Biểu mẫu 11

THÔNG BÁO

Công khai thông tin cơ sở vật chất của trường trung học cơ sở và trường trung học phổ thông, năm học 2024-2025

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học	12	m ² /học sinh
II	Loại phòng học		
1	Phòng học kiên cố	12	-
2	Phòng học bán kiên cố	0	-
3	Phòng học tạm	0	-
4	Phòng học nhờ	0	-
5	Số phòng học bộ môn	05	-
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)	0	-
7	Bình quân lớp/phòng học	1/1	1
8	Bình quân học sinh/lớp	446/12	37,2
III	Số điểm trường	1	-
IV	Tổng số diện tích đất (m²)	5383,15	12,07
V	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	2000	4,48
VI	Tổng diện tích các phòng	670,4	2,56
1	Diện tích phòng học (m ²)	596	1,3
2	Diện tích phòng học bộ môn (m ²)	256	0,57
3	Diện tích thư viện (m ²)	120	0.26
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m ²)	0	0
5	Diện tích phòng hoạt động Đoàn Đội, phòng truyền thống (m ²)	15	0.03
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định		Số bộ/lớp
1.1	Khối lớp 6	01	1
1.2	Khối lớp 7	01	1

1.3	Khối lớp 8	01	1
1.4	Khối lớp 9	01	1
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định	0	0
2.1	Khối lớp 6	0	0
2.2	Khối lớp 7	0	0
2.3	Khối lớp 8	0	0
2.4	Khối lớp 9	0	0
3	Khu vườn sinh vật, vườn địa lý (diện tích/thiết bị)	0	0
4	...		
VIII	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	43	Số học sinh/bộ 10 hs /bộ
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	03	0.3
2	Cát xét	02	1.2
3	Đầu Video/đầu đĩa	01	0.1
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	16	1
5	Máy photocoppi	02	1.2
6			

IX	Tổng số thiết bị đang sử dụng		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	03	0.3
2	Cát xét	02	1.16
3	Đầu Video/đầu đĩa	01	0.1
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	16	1
5	Máy photocopie	02	1.2
6	Máy lọc nước(50 lít)	01	0.1

	Nội dung	Số lượng (m ²)				
X	Nhà bếp	1 nhà (15 m ²)				
XI	Nhà ăn	1 nhà (70 m ²)				
	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số HS	Diện tích bình quân/HS		
XII	Phòng nghỉ HS bán trú	6 phòng (120 m ²)	36	2,4m ² /chỗ		
XIII	Khu nội trú	847.4	36			
XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	1		1 / 1		0.1/0.1
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

(*Theo Thông tư số 12/2011/TT-BGDĐT ngày 28/2/2011 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trung học phổ thông có nhiều cấp học và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu - điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh).

	Nội dung	Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	X	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	X	
XVII	Kết nối internet	X	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	X	
XIX	Tường rào xây	X	

Mường Chà, ngày 26 tháng 6 năm 2025

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên và đóng dấu)



Khoàng Tuấn Việt

UBND HUYỆN MUỜNG CHÀ
TRƯỜNG THCS THỊ TRẦN

Biểu mẫu 12

THÔNG BÁO

Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên của trường trung học cơ sở và trường trung học phổ thông, năm học 2024 -2025

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp			
			TS	ThS	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC	Hạng III	Hạng II	Hạng I	Tốt	Khá	Trung bình	Kém
	T.Số CB-GV-CNV	32	0	03	26	01	01	1	02	26	0	24	4		
I	Giáo viên	25		1	24				2	23		21	4		
	Trong đó số giáo viên dạy môn:														
1	Toán	5			5					5		5			
2	KHTN	4			4					4		4			
3	Ngữ Văn	5		1	4					5		5			
4	Lịch sử- Địa Lý	3			3					3		2	1		
5	Tiếng Anh	2			2				1	1		2			
6	Âm nhạc	0			0					0		0			
7	Công nghệ	1			1					1		1			
8	Thể dục	1			1					1			1		
9	Tin học	1			1				1	0			1		
10	GDCD	1			1					1			1		
11	Mĩ thuật	1			1					1		1			
II	Cán bộ quản lý	03		2	1					3		3			
1	Hiệu trưởng	1		1						1		1			
2	Phó hiệu trưởng	2		1	1					2		2			
III	Nhân viên	4			1	1	1	1							

1	Nhân viên văn thư	1																	
2	Nhân viên kế toán	1			1														
3	Thủ quỹ	0																	
4	Nhân viên y tế	1					1												
5	Nhân viên thư viện	0																	
6	Nhân viên khác	0																	
7	Nhân viên thiết bị	1				1													
8	Công tác đội	1								1			1						
9	Nhân viên bảo vệ	1																	

Mường Chà, ngày 26 tháng 6 năm 2025

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên và đóng dấu)



Khoàng Tuấn Việt